

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/DS-PT

Ngày 25/11/2020

“*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Chiến;

*Các Thẩm phán:*

Bà Phạm Thị Thông;

Ông L Đức Dương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trừ Minh Quốc – Là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Ông Trần Mạnh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2020/TL-DSPT ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2020/DS-ST ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 64/2020/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

*1.1. Nguyên đơn:* Bà Trần Thị D - Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

*1.2. Bị đơn:* Bà Đinh Thị H - Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đắk Tâm, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Lê Quang T – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 166 Phan C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Nguyễn Thị Ngọc A – Có đơn xin xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông

Do có kháng cáo của bà Đinh Thị H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá T giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị D trình bày:*

Do mối quan hệ quen biết nên ngày 18/7/2018 (âm lịch) tức ngày 28/8/2018 (D1 lịch), bà Đinh Thị H vay của bà Trần Thị D số tiền 70.000.000 đồng, khi vay tiền các bên có viết giấy mượn tiền và thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 08/8/2018 (âm lịch), tức ngày 17/9/2018 (D1 lịch). Ngoài ra các bên còn thỏa thuận với nhau về lãi suất là 140.000 đồng/ngày, tuy nhiên nội dung này không ghi trong giấy mượn tiền. Đến thời hạn trả nợ mặc dù bà D đã nhiều lần yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận. Vì vậy, bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ 70.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) tính từ ngày 08/8/2018 (âm lịch) tức ngày 17/9/2018 (D1 lịch) đến nay.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà D thay đổi một phần nội dung khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi suất, bà D yêu cầu Tòa án buộc bà H phải trả số tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm (0,83%/tháng) tính từ ngày 09/8/2018 (âm lịch) tức ngày 18/9/2018 (D1 lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm.

*Bị đơn là bà Đinh Thị H và đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Quang T trình bày:* Bà H cho rằng vào ngày 18/7/2018 (âm lịch) bà không vay của bà D số tiền 70.000.000 đồng để phục vụ việc riêng như nội dung khởi kiện của bà D. Thực tế số tiền mà bà D khởi kiện là số tiền mà bà H đã vay của bà D vào ngày 18/7/2019 (âm lịch), nhưng bà đã viết nhầm trong giấy vay tiền là ngày 18/7/2018 (âm lịch) và số tiền này bà H đã trả cho bà D toàn bộ số tiền gốc 70.000.000 đồng và tiền lãi 9.000.000 đồng làm 4 lần cụ thể:

- Lần 1 vào ngày 24/10/2019 trả tại nhà bà D trả số tiền lãi 4.000.000 đồng, khi trả các bên không lập thành văn bản, không có ai chứng kiến.

- Lần 2 vào ngày 24/10/2019, bà H đi cùng chị Nguyễn Thị Kim L (Chị L là con gái bà H), tại quán của bà D, bà H trả số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng, khi trả các bên không lập thành văn bản chỉ có chị L chứng kiến.

- Lần 3 vào ngày 25/10/2019 tại nhà bà D trả số tiền 60.000.000 đồng, do bà D không có nhà nên chị Nguyễn Thị Ngọc A là con bà D là người nhận thay và chị A có viết giấy nhận số tiền 60.000.000 đồng.

- Lần 4 bà H trả cho bà D số tiền 5.000.000 đồng nhưng không nhớ cụ thể vào thời gian nào, bà D là người nhận tiền.

Sau khi trả nợ xong cho bà D do là chỗ thân quen nên bà H không nhận lại giấy vay tiền đã ký kết, việc bà D khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền gốc 70.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh mà bà đã trả là không có căn cứ nên bà H không chấp nhận, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc A T bày: Chị A thừa nhận vào ngày 25/10/2019 chị có nhận của bà Đinh Thị H số tiền 60.000.000 đồng, tuy nhiên đây không phải là số tiền mà bà H trả cho bà D (bà D là mẹ của chị A). Theo chị A số tiền này là bà H trả cho chị vì trước đó khoảng 1 tuần bà H có vay của chị A số tiền 60.000.000 đồng, do là chỗ quen biết nên giữa các bên không lập thành văn bản. Chị A không đồng ý việc bà H cho rằng số tiền 60.000.000 đồng mà chị đã nhận là số tiền mà bà H trả cho bà D để trừ vào số tiền 70.000.000 đồng mà bà H đã vay của bà D, chị A đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D theo quy định của pháp luật.

*Quá trình tham gia tố tụng người làm chứng là chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:* Chị L (chị L là con của bà H) không biết việc vay mượn tiền giữa bà D và bà H như thế nào, chị L có chứng kiến vào khoảng 18 giờ ngày 24/10/2019 chị có chở mẹ chị là bà H đến nhà bà D để trả nợ. Khi đến quán của bà D, thấy bà D đang bán quán nên bà H có nói “D ơi tao trả tiền”, bà D nói con gái của bà D (không biết tên) ra nhận số tiền 10.000.000 đồng, bà H còn nói với bà D “tao chưa có tiền chỉ có 10.000.000 đồng tao trả trước, mai tao có tao sẽ trả nốt 60.000.000 đồng” và bà D đồng ý, sau đó chị cùng bà H về nhà.

*Quá trình tham gia tố tụng người làm chứng là chị Nguyễn Thị Q và chị Nguyễn Thị H trình bày:* Chị Q, chị H đều là con của bà D nhưng các chị đều không biết gì việc vay mượn số tiền 70.000.000 đồng giữa bà D và bà H. Chị Q và chị H cũng cho rằng chưa bao giờ nhận số tiền 10.000.000 đồng từ bà H nên việc bà H cho rằng các chị là người nhận số tiền 10.000.000 đồng trả cho bà D là không đúng.

Trong quá T giải quyết vụ án ông Nguyễn Xuân D1 là chồng nguyên đơn bà D trình bày: Số tiền 70.000.000 đồng bà D kiện bà H là tiền riêng của bà D ông không liên quan, không phải là tài sản chung vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Viết Bình là chồng bị đơn bà H trình bày: Số tiền 70.000.000 đồng bà H vay của bà D ông không liên quan, đồng thời bà H thừa nhận bà vay tiền của bà D không nhằm mục đích đầu tư phát triển kinh tế gia đình.

Tại bản án số: 14/2020/DS-ST ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện K đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D.

Buộc bà Đinh Thị H phải trả cho bà Trần Thị D số tiền 83.382.000 đồng (*Tám mươi ba triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng*). Trong đó số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu*), tiền lãi 13.382.000 đồng (*Mười ba triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng*).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/8/2020 bà Đinh Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Không Lộ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi của bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đA giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đinh Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị H, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Đinh Thị H làm trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2]. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Đinh Thị H nhận thấy:

[3.1]. Việc vay tiền giữa bà Trần Thị D và bà Đinh Thị H là có thật. Điều này được thể hiện qua “giấy mượn tiền” lập ngày 18/7/2018 (âm lịch), bà H thừa nhận bà là người viết và ký vào giấy mượn tiền này, khi viết bà không bị ai ép buộc hay đe dọa, viết trong tình trạng sức khỏe bình thường, nhưng bà H cho rằng ngày vay là ngày 08/7/2019 (Âm lịch) và ngày trả là ngày 08/8/2019 (Âm lịch) nhưng bà đã viết nhầm sang năm 2018. Tuy nhiên đây chỉ là lời khai một phía của bà mà bà không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời T bày của mình. Theo khoản 1 Điều 117 Bộ luật dân sự thì giao dịch vay tiền giữa bà D và bà H đủ kiện kiện có hiệu lực từ đó làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền của bên vay khi đến hạn. Do đó, hợp đồng vay tài sản giữa bà D và bà Hoàn là hợp pháp. Đến hạn trả nợ mặc dù bà D đã nhiều lần nhắc nhở trả nợ nhưng bà H không trả cho bà D khoản tiền nào cả gốc và lãi nên bà H đã vi phạm nghĩa vụ dân sự theo 1 Điều 351 của Bộ luật dân sự 2015.

[3.2]. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại đơn kháng cáo bà H cho rằng bà có nợ bà D 70.000.000 đồng nhưng bà đã trả hết tiền gốc cũng như 9.000.000 đồng tiền lãi cho bà D nhưng bà H cũng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh rằng bà đã trả số tiền này cho bà D đồng thời bà D cũng không thừa nhận việc này. Như vậy, lời khai của bà H là không phù hợp với lời khai của bà D và không khớp với nội dung giấy mượn tiền được hai bên xác lập ngày 18/7/2018 (âm lịch) tức ngày 28/8/2018 (D1 lịch). Do đó, theo quy định tại khoản 4 Điều 91

của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án theo các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D buộc bà H phải số tiền gốc đã vay với số tiền 70.000.000 đồng cho bà D là có có sở.

[3.3]. Xét về yêu cầu trả lãi. Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng Theo nội dung “giấy mượn tiền” ngày 18/7/2018 (âm lịch) chỉ thể hiện các bên thỏa thuận về thời gian trả gốc mà không thể hiện nội dung thỏa thuận về lãi suất nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản và không có lãi là chưa đúng vì theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như bản tự khai (B1 22), biên bản đối chất (B1 30), biên bản công khai chứng cứ, biên bản hòa giải (B1 46, 48) và biên bản phiên tòa (B1 87) thì bà D đều cho rằng tuy “giấy mượn tiền” không thể hiện lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận về lãi suất bằng miệng là 140.000 đồng/70.000.000 đồng/ngày, tức là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, còn bà H cũng thừa nhận lãi suất không ghi vào “giấy mượn tiền” nhưng hai bên thỏa thuận miệng với nhau là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (B1 27) và bà H cho rằng đã trả số tiền cả gốc và lãi cho bà D nên bà không đồng ý tiếp tục trả cho bà D theo đơn khởi kiện. Do đó, ở đây phải xác định là hợp đồng vay tài sản có lãi và các bên có tranh chấp về lãi suất nên cần phải áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, cụ thể:

Tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

*“2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”*

Tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 quy định:

*“2. Hợp đồng vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì lãi, lãi suất được xác định như sau:*

*a) ... Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ.*

*Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = (nợ gốc chưa trả) x (lãi suất theo thỏa thuận hoặc 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc).*

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà H phải trả số tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm (0,83%/tháng) tính từ ngày 09/8/2018 (âm lịch) tức ngày 18/9/2018 (D1 lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm. Căn cứ các quy định nêu trên, việc bà D yêu cầu mức lãi suất là 10%/năm

(0,83%/tháng) là phù hợp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi 13.382.000 đồng là có căn cứ.

[3.4]. Xét yêu cầu kháng cáo của bà H cho rằng bà đã trả cho bà D số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng ngày 25/10/2019 và chị A (con gái bà D) là người nhận thay để trừ vào khoản nợ gốc 70.000.000 đồng đã vay của bà D. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án bà H cung cấp một tờ giấy có chữ ký nhận tiền của chị A đề ngày 25/10/2019. Tuy nhiên, nội dung của giấy nhận tiền này không thể hiện số tiền 60.000.000 đồng mà chị A nhận là để trừ vào số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng mà bà đã vay của bà D. Chị A thì cho rằng số tiền đã nhận của bà H là của khoản vay khác giữa bà H với bà A chứ không liên quan gì đến khoản vay của bà D nên quan điểm này của bà H cũng không có căn cứ để chấp nhận. Do đó cấp sơ thẩm đã nhận định bà H có quyền khởi kiện đối với số tiền đã trả cho chị A bằng vụ án khác vì số tiền này không liên quan đến hợp đồng vay giữa bà D và bà H là có căn cứ.

[4]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị H. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ nên cần chấp nhận. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2020/DS-ST ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Đinh Thị H phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Khoản 1 Điều 351; khoản 2 Điều 357; Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466; khoản 2 Điều 468; khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo bà Đinh Thị H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2020/DS-ST ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D đối với bà Đinh Thị H:

Buộc bà Đinh Thị H phải trả cho bà Trần Thị D số tiền 83.382.000 đồng (*Tám mươi ba triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng*). Trong đó số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu*), tiền lãi 13.382.000 đồng (*Mười ba triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Buộc bà Đinh Thị H phải chịu nộp số tiền 4.169.000 đồng (làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

H trả bà Trần Thị D số tiền 1.982.000 đồng tạm ứng án phí theo biên theo biên lai số 0002831, ngày 13 tháng 01 năm 2020 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Nông.

**3. Về án phí dân sự phúc thẩm:** Buộc bà Đinh Thị H, phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên số 0003083 ngày 01/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Nông.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

**Nguyễn Xuân Chiến**